

Số: 45/2025/QĐST-HNGĐ

Quảng Trị, ngày 24 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 66/2025/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 10 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Anh Trương Hồng Q, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Thôn L, xã T, tỉnh Quảng Trị;

CCCD số 044095003136, cấp ngày 18/9/2025.

Bị đơn: Chị Võ Thị T, sinh năm 2000;

Địa chỉ: Thôn L, xã T, tỉnh Quảng Trị.

CCCD số 044300003674, cấp ngày 17/4/2025.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 10 năm 2025,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 10 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trương Hồng Q và chị Võ Thị T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về nuôi con chung: Anh Trương Hồng Q và chị Võ Thị T thống nhất vợ chồng có 01 con chung tên là Trương Thị Thanh T1, sinh ngày 06/8/2019. Hai bên thoả thuận: Sau khi ly hôn, giao con Trương Thị Thanh T1 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng chị T 2.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 10/2025 cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- *Về chia tài sản chung và nợ chung*: Anh Trương Hồng Q và chị Võ Thị T thống nhất vợ chồng có một số tài sản chung nhưng tự thỏa thuận phân chia; không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Trương Hồng Q và chị Võ Thị T mỗi người chịu 75.000 đồng án phí ly hôn; anh Q phải chịu 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ; anh Q thỏa thuận chịu thay án phí ly hôn cho chị T. Số tiền án phí anh Q phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000658, ngày 09/10/2025 của Thi hành án dân tỉnh Quảng Trị.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 4;
- UBND xã Trường Sơn;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Nhàn

